

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61** /2022/DS-ST

Ngày: 15/12/2022

V/v “*Yêu cầu tuyên bố văn bản kê khai di sản vô hiệu; tuyên bố di chúc không có hiệu lực pháp luật, hủy phần chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận và chia thừa kế theo pháp luật*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Đức
2. Bà Vũ Thị Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung – Thư ký tòa án nhân dân quận S TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2020/TLST-DSST ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “*Yêu cầu tuyên bố văn bản kê khai di sản vô hiệu; hủy chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận, tuyên bố di chúc không có hiệu lực pháp luật và chia thừa kế theo pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2022/QĐST-HPT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

***NguY đơn:** Ông **Chu Nhân T**, sinh năm 1963; Địa chỉ: K94-H04/04, đường L, phường T, quận S, TP Đà Nẵng. Có mặt

- Đại diện theo ủy quyền của nguY đơn ông Chu Nhân T là: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1991 và bà **Hồ Thị Hương S**, sinh năm 1995. Địa chỉ: số 181/16, đường N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2020 tại Phòng công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng. Có mặt

***Bị đơn:** Ông **Chu Nhân L**, sinh năm 1975; Địa chỉ: K94/04, đường L, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

Ông **Chu Nhân T**, sinh năm 1965; Địa chỉ: K45-H16/42, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. có mặt

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng chi nhánh quận S; Địa chỉ: số 06, đường Đ, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn N – Chức vụ: Phó giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng;** Địa chỉ: Lô số 01, Khu B, đường V, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Nguyễn Minh Q**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Lô số 01, Khu B, đường V, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền ngày 07/4/2021. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Ủy ban nhân dân phường T quận S, thành phố Đà Nẵng;** Địa chỉ: số 06, đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Từ H – Chức vụ: Phó chủ tịch theo giấy uỷ quyền ngày 05/7/2022. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bà **Chu Thị Mỹ N**, sinh năm 1966; Địa chỉ: K45-H16/44, đường L, tổ 56 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. có mặt

- Bà **Chu Thị Bích L**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 12, đường A, tổ 64, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. có mặt

- Bà **Chu Thị Kim P**, sinh năm 1971; Địa chỉ: K45-H16/44, đường L, tổ 56 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. có mặt

- Bà **Chu Thị Bích L**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 60, đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. có mặt

- Bà **Trần Thị Ánh T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 93, đường L, tổ 88 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. có mặt

- Ông **Trương Thế L**, sinh năm 1959; Địa chỉ: số 96, đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Chu Nhân T trình bày:

Ông là con của ông Chu Nhân V (sinh năm 1934) và bà Trần Thị L (sinh năm 1942). Cha mẹ ông có 08 người con gồm: Ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Y, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Mỹ N, ông Chu Nhân L. Ngoài ra, ông V và bà L không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Ngày 09/8/2007, mẹ ông là bà L chết, không để lại di chúc. Tại thời điểm bà L chết thì ông bà ngoại ông đã chết trước đó đã lâu, hiện nay không có giấy chứng tử cũng như không biết chôn cất ở đâu.

Ngày 12/9/1981, bà Chu Thị Y chết, có một người con là bà Trần Thị Ánh T.

Ngày 13/5/2012, cha ông là ông Chu Nhân V chết, để lại di chúc. Thời điểm ông V chết thì ông bà nội ông đã chết trước đó đã lâu, hiện nay không có giấy chứng tử cũng như không biết chôn cất ở đâu.

Khi còn sống, cha mẹ ông có tạo lập được tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001, chỉnh lý biến

động lần 1 ngày 20/7/2010, chỉnh lý biến động lần 2 cho ông Chu Nhân V ngày 22/7/2011.

Năm 2007, bà Trần Thị L chết không để lại di chúc nên cha ông và 06 người con gồm: Ông T, ông T, bà L, bà P, bà L, bà N đến Ủy ban nhân dân phường T, quận S, Đà Nẵng vào ngày 01/7/2011 làm tờ khai di sản thừa kế trong đó không kê khai bà Chu Thị Y vì bà Y đã chết năm 1981 và ông Chu Nhân L vì khi đó ông L nói làm gì thì làm ông L không quan tâm. Sau đó, đến ngày 05/7/2011 ra Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế công chứng số 144 và làm thủ tục chỉnh lý biến động sang tên nhà đất nêu trên cho ông Chu Nhân V ngày 22/7/2011.

Năm 2012, ông Chu Nhân V chết có để lại di chúc được lập ngày 10/8/2011 với nội dung: để lại phần tài sản là nhà đất tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà Chu Thị Bích L quản lý khai thác làm lợi nhằm chi phí cho thờ cúng, hương hỏa, đi lại phải không cho gia đình, nói chung là quản lý để làm nhà thờ từ đường, không được mua bán, trao đổi dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được ý kiến thống nhất của 7 anh chị em và một cháu gái là Trần Thị Ánh T.

Tuy nhiên, sau khi ông Chu Nhân V chết thì ông Chu Nhân L thường xuyên lên nhà thờ quây phá, gây rối nhiều lần nên anh em ông thống nhất khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế số 144 do Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 05/7/2011 là vô hiệu; Tuyên hủy nội dung chỉnh lý biến động ngày 22/7/2011 tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001; Tuyên bố di chúc của ông Chu Nhân V lập ngày 10/8/2011 tại UBND phường T không có hiệu lực pháp luật và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Chu Nhân T trình bày tại đơn khởi kiện và các lần hòa giải trước đây ông yêu cầu được nhận nhà đất và thời trả tiền cho các đồng thừa kế còn lại. Tuy nhiên, hiện nay sức khỏe của ông rất yếu, mắt đã mờ, ông đang điều trị bệnh phổi mãn tính, việc đi lại rất khó khăn nên ông đề nghị giao nhà đất cho ông Chu Nhân T quản lý, sử dụng, định đoạt để lo làm các thủ tục giấy tờ và ông nhận kỷ phần thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật.

Ông T thống nhất với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: là 5.655.660.580 đồng được định giá vào thời điểm tháng 01/2021 theo Chứng thư thẩm định giá số 5210028/CT-BTCVALUEĐ ngày 01/02/2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE và không yêu cầu định giá lại.

***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Chu Nhân T là ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Hương S trình bày:** Tôi thống nhất với phần trình bày của ông Chu Nhân T và không bổ sung gì thêm.

***Theo bản tự khai ngày 11/11/2020, tại các phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn ông Chu Nhân T trình bày:**

Tôi là con của ông Chu Nhân V và bà Trần Thị L. Cha mẹ tôi có 08 người con gồm: Ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Y, tôi Chu Nhân T, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Mỹ N, ông Chu Nhân L. Ngoài ra, cha mẹ tôi không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Mẹ tôi bà Trần Thị L chết ngày 09/8/2007, không để lại di chúc. Tại thời điểm mẹ tôi chết thì ông, bà ngoại tôi đã chết trước đó lâu rồi, hiện nay không có giấy chứng tử cũng như không biết chôn cất ở đâu.

Chị tôi là bà Chu Thị Y chết ngày 12/9/1981, có một người con là bà Trần Thị Ánh T.

Cha tôi là ông Chu Nhân V chết ngày 13/5/2012, có để lại di chúc. Tại thời điểm cha tôi chết thì ông, bà nội tôi đã chết trước đó lâu rồi, hiện nay không có giấy chứng tử cũng như không biết chôn cất ở đâu.

Khi còn sống, cha mẹ tôi có tạo lập được tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001.

Năm 2007, mẹ tôi bà Trần Thị L chết, không để lại di chúc nên cha tôi và 06 người con gồm: Ông Chu Nhân T, tôi Chu Nhân T, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Mỹ N đến Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng vào ngày 01/7/2011 làm tờ khai di sản thừa kế trong đó không kê khai bà Chu Thị Y vì chị Y đã chết năm 1981 và ông Chu Nhân L vì khi đó ông L nói làm gì thì làm ông L không quan tâm. Sau đó, đến ngày 05/7/2011 ra Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế công chứng số 144 và làm thủ tục chỉnh lý biến động sang tên nhà đất nêu trên cho cha tôi ông Chu Nhân V ngày 22/7/2011.

Năm 2012, cha tôi ông Chu Nhân V chết có để lại di chúc được lập ngày 10/8/2011 với nội dung: để lại phần tài sản là nhà đất trên cho bà Chu Thị Bích L quản lý khai thác làm lợi nhằm chi phí cho thờ cúng, hương hỏa, đi lại phải không cho gia đình tôi, nói chung là quản lý để làm nhà thờ từ đường, không được mua bán, trao đổi dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được ý kiến thống nhất của 7 anh chị em và một cháu gái là Trần Thị Ánh T.

Sau khi cha tôi chết thì ông Chu Nhân L thường xuyên lên nhà thờ quây phá và đến nhà tôi bên cạnh đó để gây rối nhiều lần.

Nay ông Chu Nhân T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế số 144 do Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 05/7/2011 là vô hiệu; TuY hủy chỉnh lý biến động ngày 22/7/2011 tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001; Tuyên bố di chúc của ông Chu Nhân V lập ngày 10/8/2011 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, tôi đồng ý. Trước đây ông đồng ý giao nhà đất cho ông T quản lý, sử dụng, định đoạt và nhận kỷ phần thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, do sức khỏe của ông T đã yếu, khó khăn cho việc đi lại làm các thủ tục giấy tờ nên ông T xin nhận nhà đất trên và thôi trả tiền cho các đồng thừa kế còn lại.

Ông Chu Nhân T thống nhất với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: là 5.655.660.580 đồng. Trong đó giá trị đất là: 5.562.384.882 đồng; giá trị nhà là: 93.275.698 đồng được định giá vào thời điểm tháng 01/2021 theo Chứng thư thẩm định giá số 5210028/CT-BTCVALUEĐ ngày 01/02/2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE và không yêu cầu định giá lại.

***Theo đơn trình bày ngày 28/6/2022, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Chu Nhân L trình bày:**

Tôi là con của ông Chu Nhân V và bà Trần Thị L. Cha mẹ tôi có 08 người con gồm: Ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Y, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Mỹ N và tôi Chu Nhân L. Ngoài ra, cha mẹ tôi không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Mẹ tôi là bà Trần Thị L chết ngày 09/8/2007, không để lại di chúc. Tại thời điểm mẹ tôi chết thì ông, bà ngoại tôi đã chết trước đó lâu rồi, hiện nay không có giấy chứng tử cũng như không biết chôn cất ở đâu.

Chị tôi là bà Chu Thị Y chết ngày 12/9/1981, có một người con là bà Trần Thị Ánh T.

Cha tôi là ông Chu Nhân V chết ngày 13/5/2012, có để lại di chúc. Tại thời điểm cha tôi chết thì ông, bà nội tôi đã chết trước đó lâu rồi, hiện nay không có giấy chứng tử cũng như không biết chôn cất ở đâu.

Khi còn sống, cha mẹ tôi có tạo lập được tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001, chỉnh lý biến động ngày 20/7/2010. Sau này, chỉnh lý biến động cho cha tôi ông Chu Nhân V ngày 22/7/2011.

Năm 2007, mẹ tôi bà Trần Thị L chết, không để lại di chúc nên cha tôi có nói tôi lên phường làm giấy tờ thì tôi có nói với cha tôi là bản di chúc làm xong phải giao lại cho anh Chu Nhân T hoặc anh Chu Nhân T giữ để không làm ảnh hưởng đến tôi cũng như các anh rể. Đối với bản di chúc mà cha tôi để lại thì sau này tôi mới biết.

Nay ông Chu Nhân T khởi kiện yêu cầu Tòa án ông có ý kiến như sau:

Không được hủy di chúc ngày 10/8/2011 của cha tôi là ông Chu Nhân V để lại vì lý do tôi làm đúng theo nguyện vọng của cha tôi trong tờ di chúc, không được mua bán đổi cho tài sản mà cha mẹ tôi để lại, chỉ để làm nhà thờ từ đường. Nếu anh chị tôi và cháu tôi Trần Thị Ánh T đòi phân chia tài sản, đất đai, nhà cửa thì tôi đề nghị ủy quyền lại một phần ba diện tích đất để tôi làm đúng nguyện vọng của cha tôi là làm lại nhà từ đường. Nếu không được chấp thuận thì bất cứ mọi hình thức nào cũng không được mua bán, đổi cho.

*Bị đơn cũng thống nhất với kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 5210028/CT-BTCVALUEĐ ngày 01/02/2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE có tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: là 5.655.660.580 đồng. Trong đó giá trị đất là: 5.562.384.882 đồng; giá trị nhà là: 93.275.698 đồng được định giá vào thời điểm tháng 01/2021 và không yêu cầu định giá lại.

***Theo bản tự khai, trong quá trình tố tụng tại Tòa án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L trình bày:**

Tôi là con của ông Chu Nhân V và bà L. Cha mẹ tôi có 08 người con gồm: Ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Y, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, tôi Chu Thị Mỹ N và ông Chu Nhân L. Ngoài ra, cha mẹ tôi không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Ông bà nội, ngoại của tôi đã

chết trước cha mẹ tôi từ rất lâu, hiện nay không có giấy chứng tử cũng như không biết chôn cất ở đâu.

Mẹ tôi bà Trần Thị L chết ngày 09/8/2007, không để lại di chúc.

Chị tôi là bà Chu Thị Y chết ngày 12/9/1981, có một người con là bà Trần Thị Ánh T.

Cha tôi là ông Chu Nhân V chết ngày 13/5/2012, có để lại di chúc ngày 10/8/2011 xác nhận tại UBND phường T, quận S, Đà Nẵng.

Khi còn sống, cha mẹ tôi có tạo lập được tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001, chỉnh lý biên động ngày 20/7/2010. Sau này, chỉnh lý biên động cho cha tôi ông Chu Nhân V ngày 22/7/2011.

Năm 2007, mẹ tôi bà Trần Thị L chết, không để lại di chúc nên cha tôi và 06 người con gồm: Ông T, ông T, bà L, bà P, bà L, bà N đến Ủy ban nhân dân phường T, quận S, Đà Nẵng vào ngày 01/7/2011 làm tờ khai di sản thừa kế trong đó không kê khai bà Chu Thị Y vì chị Y đã chết năm 1981 và ông Chu Nhân L vì khi đó ông L nói làm gì thì làm ông L không quan tâm. Sau đó, đến ngày 05/7/2011 ra Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế công chứng số 144 và làm thủ tục chỉnh lý biên động sang tên nhà đất nêu trên cho cha tôi ông Chu Nhân V ngày 22/7/2011.

Năm 2012, cha tôi ông Chu Nhân V chết có để lại di chúc được lập ngày 10/8/2011 với nội dung: để lại phần tài sản là nhà đất trên cho bà Chu Thị Bích L quản lý khai thác làm lợi nhằm chi phí cho thờ cúng, hương hỏa, đi lại phải không cho gia đình tôi, không được mua bán, trao đổi dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được ý kiến thống nhất của 7 anh chị em và một cháu gái là Trần Thị Ánh T.

Do anh em trong gia đình có sự mâu thuẫn nên các anh em thống nhất để anh Chu Nhân T đứng ra khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 144 do Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 05/7/2011 là vô hiệu; Tuyên hủy nội dung điều chỉnh ngày 22/7/2011 tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001; Tuyên bố di chúc của ông Chu Nhân V lập ngày 10/8/2011 không có hiệu lực pháp luật và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Hiện nay, vì lý do sức khỏe của ông T không được tốt nên các bà đều thống nhất giao nhà đất trên cho ông T quản lý, sử dụng, định đoạt và ông T có nghĩa vụ thối lại kỹ phần thừa kế mà các bà được hưởng.

*Các đương sự cũng thống nhất với kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value có tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: là 5.655.660.580 đồng. Trong đó giá trị đất là: 5.562.384.882 đồng; giá trị nhà là: 93.275.698 đồng được định giá vào thời điểm tháng 01/2021 và không yêu cầu định giá lại.

***Theo bản tự khai, trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ánh T trình bày:**

Tôi là con của bà Chu Thị Y chết ngày 12/9/1981 và là cháu ông Chu Nhân V và bà L. Ông bà ngoại tôi có 08 người con gồm: Ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Y, ông

Chu Nhân T, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Mỹ N, ông Chu Nhân L. Ngoài ra, ông bà ngoại tôi không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Ông bà cố nội, ngoại của tôi đã chết trước ông bà ngoại tôi từ rất lâu, hiện nay không có giấy chứng tử cũng như không biết chôn cất ở đâu.

Ông bà ngoại tôi khi còn sống có tạo lập được tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở $138,5m^2$, diện tích đất khuôn viên $47,7m^2$, tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001, chỉnh lý biên động ngày 20/7/2010. Sau này, chỉnh lý biên động cho ông ngoại tôi là ông Chu Nhân V ngày 22/7/2011.

Nay ông Chu Nhân T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế số 144 do Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 05/7/2011 là vô hiệu; Tuyên hủy nội dung điều chỉnh ngày 22/7/2011 tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001; Tuyên bố di chúc của ông Chu Nhân V lập ngày 10/8/2011 không có hiệu lực pháp luật và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thì tôi đồng ý. Tôi đồng ý giao nhà đất cho ông T quản lý, sử dụng, định đoạt và nhận kỷ phần thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh quận S, trình bày:

Ông Chu Nhân V và bà Trần Thị L được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3403070438 ngày 29/6/2001, thửa đất số 177, tờ bản đồ số 99, diện tích đất $488,6m^2$, trong đó đất ở $300m^2$, đất khuôn viên $188,6m^2$, diện tích sử dụng $156,4m^2$, diện tích xây dựng $156,4m^2$. Ngày 17/02/2010, bị thu hồi $75,8m^2$ đất khuôn viên, diện tích đất còn lại là $412,8m^2$, trong đó đất ở $300m^2$, đất khuôn viên $112,8m^2$.

Ngày 20/7/2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận S đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Chu Nhân T với diện tích đất $226m^2$, trong đó đất ở $161,5m^2$, đất khuôn viên $65,1m^2$, diện tích xây dựng = diện tích sử dụng $85m^2$ theo Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 2651 do Phòng Công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 30/7/2002; Diện tích đất còn lại là $186,2m^2$, trong đó đất ở $138,5m^2$, đất khuôn viên $47,7m^2$.

Ngày 22/7/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận S đăng ký biến động thừa kế cho ông Chu Nhân V theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 144 do Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 05/7/2011.

Việc thực hiện các thủ tục đăng ký biến động sau khi cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất nêu trên đảm bảo đúng trình tự, thủ tục hiện hành tại thời điểm.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân quận S xét xử theo quy định pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của ông Chu Nhân T. Trong trường hợp Tòa án xét xử phân chia quyền sử dụng đất (tách thửa đất) cho các đồng thừa kế, điều kiện tách thửa đất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận S xin vắng mặt trong các phiên họp và xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng trình bày:**

Công chứng viên của Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng đã thực hiện chứng nhận Văn bản số 144 được lập bởi ông Chu Nhân V khai nhận đối với di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 99, địa chỉ tổ 11E, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3403070438, số hồ sơ gốc 37030 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001.

Tại thời điểm chứng nhận văn bản, Công chứng viên đã thực hiện đúng và đầy đủ về trình tự và thủ tục liên quan đến Văn bản số 144 theo Luật Công chứng năm 2006.

Khoản 2 Điều 8 Luật Công chứng năm 2006 quy định *“Người yêu cầu công chứng phải có năng lực hành vi dân sự, xuất trình đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó”*.

Tại hồ sơ lưu, Tờ khai di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng chứng thực ngày 01/7/2011 do các ông bà: Chu Nhân V, Chu Nhân T, Chu Nhân T, Chu Thị Mỹ N, Chu Thị Bích L, Chu Thị Kim P và Chu Thị Bích L đã tự khai và cam đoan khai đúng, đầy đủ các đồng thừa kế và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình. Cụ thể như sau: *“Ngoài những người con đẻ này bà Trần Thị L không có con riêng, không có con nuôi. Chúng tôi cam đoan ngoài chúng tôi ra không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những vấn đề nêu trên.”*

Công chứng viên Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng đã chứng nhận Văn bản số 144 căn cứ theo Tờ thỏa thuận do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 01/7/2011. Theo đó, các ông bà: Chu Nhân T, Chu Nhân T, Chu Thị Mỹ N, Chu Thị Bích L, Chu Thị Kim P và Chu Thị Bích L đã thỏa thuận nhường phần di sản mà mình được hưởng đối với di sản nêu trên cho ông Chu Nhân V. Cụ thể các ông bà đã khẳng định: *“Nay chúng tôi làm văn bản thỏa thuận này đồng ý để ông Chu Nhân V được quyền dùng toàn bộ tài sản trên thuộc quyền thừa kế của chúng tôi để khai nhận nhà đất còn lại sở hữu và định đoạt.”*

Bên cạnh đó, trong nội dung Văn bản số 144, ông Chu Nhân V cũng đã khẳng định: *“Tôi cam đoan việc tôi đứng ra khai nhận thừa kế toàn bộ phần di sản của bà Trần Thị L có trong lô đất và tài sản gắn liền với đất nói trên là hoàn toàn đúng pháp luật và đúng sự thật, không bỏ sót người thừa kế nào và không nhằm trốn tránh việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào và tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.”*, có hai người làm chứng đã xác nhận theo Giấy làm chứng lập vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 05/7/2011 ngay khi ký kết Văn bản số 144.

Lời chứng của công chứng viên tại Văn bản số 144 nêu trên cũng thể hiện nội dung người khai nhận di sản cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai nhận di sản.

Do vậy, việc chứng nhận Văn bản số 144 nêu trên đã được Công chứng viên Phòng Công chứng số 3 thực hiện hoàn toàn đúng trình tự thủ tục và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành, theo yêu cầu công chứng hợp pháp, tự nguyện và theo các giấy tờ hợp lệ, hợp pháp do những người tham gia hợp đồng xuất trình.

Khoản 2 Điều 662 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp đã phân chia di sản mà có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế thì người đó phải trả lại di sản hoặc thanh toán một khoản tiền tương đương với giá trị di sản được hưởng tại thời điểm chia thừa kế cho những người thừa kế, trừ trường hợp có thoả thuận khác*”.

Việc những người thừa kế trong Văn bản số 144 nếu có hành vi cố ý bỏ sót, giấu giếm và không khai về những người thuộc hàng thừa kế của bà Trần Thị L thì họ phải chịu trách nhiệm với người liên quan và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi cố ý giấu giếm, bỏ sót hàng thừa kế.

Do vậy, Phòng Công chứng số 3 không có bất cứ quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự nêu trên.

Đồng thời, Phòng Công chứng số 3 đề nghị Tòa án đưa Công chứng viên Trương Thế L, địa chỉ: Văn phòng Công chứng Trương Thế L, số 96 L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì Công chứng viên Trương Thế L của Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng đã thực hiện chứng nhận Văn bản số 144 được lập bởi ông Chu Nhân V khai nhận đối với di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 99, địa chỉ tổ 11E, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3403070438, số hồ sơ gốc 37030 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001. Hiện Công chứng viên Trương Thế L không còn công tác tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Thế L trình bày:**

Ngày 05/7/2011, Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng 144, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD theo yêu cầu của ông Chu Nhân V, do tôi là Công chứng viên Trương Thế L chứng nhận.

Khi đó, ông Chu Nhân V đã khai các nội dung như sau: ông là chồng bà Trần Thị L (sinh năm 1942, chết năm 2007), ông và bà L có 6 người con là: Chu Nhân T, Chu Nhân T, Chu Thị Mỹ N, Chu Thị Bích L, Chu Thị Kim P và Chu Thị Bích L. Ngoài ra, bà Trần Thị L không có chồng, con nào khác, cha mẹ đẻ của bà đã chết, bà không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng. Trước lúc chết bà Trần Thị L không để lại di chúc. Căn cứ theo tờ khai di sản thừa kế được UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng xác nhận ngày 01/7/2011.

Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng đã căn cứ theo kết quả xác minh của UBND phường T, quận S rằng ông Chu Nhân V và bà Trần Thị L chỉ có 06 người con như ông Chu Nhân V đã nêu trên nên Phòng Công chứng số 3 đã chứng nhận vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế này với nội dung ông Chu Nhân V và bà Trần Thị L có 06 người con. Toàn bộ hồ sơ của việc khai nhận thừa kế của ông Chu Nhân V hiện được lưu trữ tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng, tôi đã làm đúng theo quy định của pháp luật.

Tôi đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng trình bày:**

Qua kiểm tra và rà soát, hiện nay Ủy ban nhân dân phường T không tìm thấy hồ sơ lưu trữ đối với bản di chúc của ông Chu Nhân V, sinh năm 1934 lập ngày 10/8/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, Đà Nẵng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Chu Nhân T, Ủy ban nhân dân phường T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân phường T trong toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử đúng nguyên tắc chung. Nguyên đơn ông T, bị đơn ông T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Chu Nhân L không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 674, 675, 676, 677 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 8 Luật Công chứng năm 2006:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Chu Nhân T đối với ông Chu Nhân T, Chu Nhân L về việc “Tuyên văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 05/7/2011 tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng công chứng vô hiệu, Tuyên bố bản di chúc của ông Chu Nhân V được lập ngày 10/8/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S không có hiệu lực pháp luật; đề nghị hủy phần chỉnh lý biến động sang tên nhà đất cho ông Chu Nhân V và chia di sản thừa kế của bà L, ông Chu Nhân V theo pháp luật”.

Đề nghị HĐXX tuyên bố:

1. Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 05/7/2011 được Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng công chứng Sổ công chứng số 144 quyền số TK/TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

2. Hủy phần chỉnh lý biến động sang tên nhà đất ngày 22/7/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng- chi nhánh quận S tại thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cho ông Chu Nhân V tại phần: “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý” của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 3403070438, số vào hồ sơ gốc: 37030 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001.

3. Bản di chúc của ông Chu Nhân V được lập ngày 10/8/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S không có hiệu lực pháp luật.

4. Chia di sản thừa kế của bà L, ông Chu Nhân V để lại theo pháp luật cụ thể:

Di sản thừa kế của bà L để lại là: 1/2 Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99 tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng trị giá: **5.655.660.580 đồng : 2 = 2.827.830.290 đồng**

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L sẽ gồm 9 người là: chồng ông Chu Nhân V và **07** người con: Ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, ông Chu Nhân L và **01** người cháu thừa kế thế vị bà Trần Thị Ánh T.

Giá trị mỗi kỹ phần thừa kế là **314.203.366 đồng**

Di sản thừa kế của ông Chu Nhân V gồm: 1/2 Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99 tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng trị giá 2.827.830.290 đồng và phần di sản nhận thừa kế từ bà Trần Thị L là: 314.203.366 đồng. Tổng cộng: **3.142.033.656 đồng**.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông V sẽ gồm 8 người là 7 người con ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, ông Chu Nhân L và **01** người cháu thừa kế thế vị là bà Trần Thị Ánh T.

Giá trị mỗi kỹ phần thừa kế là: **392.754.207 đồng**

Tổng di sản thừa kế ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, ông Chu Nhân L và bà Trần Thị Ánh T mỗi người sẽ được nhận là: 314.203.366 đồng + 392.754.207 đồng = **706.957.573 đồng**

Giao toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cho ông Chu Nhân T được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt.

Ông Chu Nhân T có trách nhiệm thôi trả lại cho ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, Chu Nhân L, Trần Thị Ánh T mỗi người 706.957.573đ (Bảy trăm linh sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng).

- Ông Chu Nhân T được liên hệ với các cơ quan thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất tại thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí tố tụng: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

6. Án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục: “Yêu cầu tuyên bố văn bản kê khai di sản vô hiệu; Yêu cầu tuyên bố di chúc không có hiệu lực pháp luật, hủy chính lý biến động trên Giấy chứng nhận và chia thừa kế theo pháp luật” do ông Chu Nhân T khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 5, khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện UBND phường T, đại diện Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận S, đại diện Phòng công chứng số 3, ông Trương Thế L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, ông Chu Nhân L đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

Về luật áp dụng: Bà Trần Thị L chết năm 2007, ông Chu Nhân V chết năm 2011; Văn bản kê khai di sản thừa kế của bà L lập ngày 05/7/2011, bản di chúc của ông V được lập ngày 10/8/2011 do đó áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nguồn gốc nhà và đất tại thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng

Vợ chồng bà Trần Thị L (sinh năm 1942; chết năm 2007) và ông Chu Nhân V (sinh năm 1934, chết năm 2012) có 08 người con gồm: Bà Chu Thị Y, Sinh năm 1961, chết ngày 12/9/1981; Ông Chu Nhân T, sinh năm 1963; Ông Chu Nhân T, sinh năm 1965; Bà Chu Thị Mỹ N, sinh năm 1966; Bà Chu Thị Bích L, sinh năm 1968; Bà Chu Thị Kim P, sinh năm 1971; Bà Chu Thị Bích L, sinh năm 1973; Ông Chu Nhân L, sinh năm 1975. Ngoài ra ông bà không có con chung hay con riêng nào khác.

Quá trình chung sống ông bà có tạo lập được tài sản chung là nhà đất tại thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng

Bà Trần Thị L chết năm 2007, cha mẹ bà L là ông Trần T và bà Trần Thị N chết trước bà L, bà L chết không để lại di chúc, nên hàng thừa kế thứ nhất của bà L gồm chồng là Chu Nhân V và 8 người con gồm Chu Thị Y, Chu Nhân T, Chu Nhân T, Chu Thị Mỹ N, Chu Thị Bích L, Chu Thị Kim P, Chu Thị Bích L, Chu Nhân L.

Bà Chu Thị Y chết năm 1981 (chết trước bà L) nên con bà Y là bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1979 là thừa kế thế vị và sẽ được hưởng phần di sản mà bà Y được hưởng từ bà L theo quy định Điều 677 Bộ luật dân sự 2005.

Ông Chu Nhân V chết năm 2012, cha mẹ ông V là ông Chu Nhân T và bà Chu Thị T chết trước ông V, hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm: Chu Thị Y (bà Trần Thị Ánh T là con bà Y) sẽ được hưởng thừa kế thế vị phần di sản mà bà Y được hưởng từ ông V theo quy định Điều 677 Bộ luật dân sự 2005); Chu Nhân T, Chu Nhân T, Chu Thị Mỹ N, Chu Thị Bích L, Chu Thị Kim P, Chu Thị Bích L, Chu Nhân L.

Vào ngày 05/7/2011, ông V và 6 người con gồm T, T, P, L, L, N ký văn bản kê khai di sản thừa kế tại Phòng công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng và giao toàn bộ quyền sử dụng, định đoạt cho ông Chu Nhân V

Ngày 22/7/2011 ông V được đăng ký chính ký biến động đứng tên trên Giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 3403070438 ngày 29/6/2001 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận S.

Ngày 10/8/2011, ông V làm bản di chúc tại UBND phường T để lại toàn bộ nhà đất cho bà Chu Thị Bích L quản lý để làm nhà thờ từ đường.

Nay ông Chu Nhân T yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản kê khai di sản thừa kế tại Phòng công chứng số 3 vô hiệu, tuyên bố di chúc của ông V không có hiệu lực pháp luật, hủy chỉnh lý biến động sang tên cho ông V trên Giấy chứng nhận và chia di sản thừa kế của ông V, bà L theo pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 144 do Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 05/7/2011 là vô hiệu, theo đó tuyên hủy nội dung điều chỉnh ngày 22/7/2011 tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 29/6/2001.

Ngày 09/8/2007, bà Trần Thị L chết, cha mẹ bà L chết trước bà L, bà L chết không để lại di chúc, nên hàng thừa kế thứ nhất của bà L gồm chồng là Chu Nhân V và 8 người con gồm Chu Thị Y, Chu Nhân T, Chu Nhân T, Chu Thị Mỹ N, Chu Thị Bích L, Chu Thị Kim P, Chu Thị Bích L, Chu Nhân L.

Bà Chu Thị Y chết năm 1981 (chết trước bà L), bà Y chỉ có 01 người con là Trần Thị Ánh T nên bà Trần Thị Ánh T là thừa kế thế vị và sẽ được hưởng phần di sản mà bà Y được hưởng từ bà L theo quy định Điều 652 Bộ luật dân sự.

Di sản của bà Trần Thị L để lại là: 1/2 Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Tuy nhiên, ngày 01/7/2011, ông Chu Nhân V và 06 người con gồm: Ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Mỹ N đến Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng làm tờ khai di sản thừa kế. Tại tờ khai di sản thừa kế ngày 01/7/2011 (được chứng thực bởi UBND phường T) ông V và 06 người con ông V khai nhận hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L chỉ có 7 người nêu trên, không khai ông Chu Nhân L (thuộc hàng thừa kế thứ nhất) và người thừa kế thế vị của bà Chu Thị Y là bà Trần Thị Ánh T.

Đồng thời cũng vào ngày 01/7/2011, các ông bà Ông Chu Nhân T, Ông Chu Nhân T, Bà Chu Thị Mỹ N, Bà Chu Thị Bích L, Bà Chu Thị Kim P, Bà Chu Thị Bích L đã lập Tờ thoả thuận đồng ý để lại toàn bộ phần tài sản thừa kế mình được hưởng từ bà Trần Thị L cho ông Chu Nhân V được UBND phường T công chứng, chứng thực.

Sau đó, đến ngày 05/7/2011, ông Chu Nhân V lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế và được Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng công chứng Sổ công chứng số 144 quyển số TK/TP/CC-SCC/HĐGD, khai nhận di sản mình được hưởng từ bà L. Căn cứ trên Văn bản khai nhận di sản thừa kế đến ngày 22/7/2011, Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động sang tên nhà đất nêu trên cho ông Chu Nhân V.

[3.1.1] Xét văn bản khai nhận di sản thừa kế lập tại Phòng công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng thì thấy:

Về hình thức: Theo Khoản 2 Điều 8 Luật Công chứng năm 2006 quy định: “Người yêu cầu công chứng phải có năng lực hành vi dân sự, xuất trình đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó”. Như vậy, văn bản khai nhận di sản thừa kế được lập

theo đúng quy định về mặt hình thức được quy định Điều 8 Luật Công chứng 2006, nên không bị vô hiệu về mặt hình thức.

Về nội dung: Tại Tờ khai di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng chứng thực ngày 01/7/2011 do các ông bà: Chu Nhân V, Chu Nhân T, Chu Nhân T, Chu Thị Mỹ N, Chu Thị Bích L, Chu Thị Kim P và Chu Thị Bích L đã khai hàng thừa kế thứ nhất của bà L là ông bà: Chu Nhân V, Chu Nhân T, Chu Nhân T, Chu Thị Mỹ N, Chu Thị Bích L, Chu Thị Kim P và Chu Thị Bích L, nhưng không khai nhận ông Chu Nhân L (thuộc hàng thừa kế thứ nhất) và người thừa kế thế vị của bà Chu Thị Y là bà Trần Thị Ánh T là không đúng với quy định tại các Điều 674, 675, 676, 677 Bộ luật dân sự năm 2005.

Vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế Sổ công chứng số 144 quyền số TK/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận:

Do văn bản khai nhận di sản thừa kế bị vô hiệu nên việc thỏa thuận của các đương sự để lại toàn bộ phần di sản thừa kế của bà Trần Thị L cho ông V để ông Chu Nhân V được đứng tên trên Giấy chứng nhận là không có giá trị pháp lý do đó phần chỉnh lý biến động ngày 22/7/2011 của Văn phòng đăng ký đất đai Tp Đà Nẵng - chi nhánh quận S sang tên cho ông Chu Nhân V - sinh năm: 1934, CMND 200094553, địa chỉ phường T, quận S, Đà Nẵng tại phần: “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý” của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 3403070438, số vào hồ sơ gốc: 37030 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001 không còn giá trị pháp lý. Do đó, yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động sang tên ông Chu Nhân V tại Văn phòng đăng ký đất đai Tp Đà Nẵng - Chi nhánh quận S ngày 22/7/2011 của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu tuyên bố bản di chúc của ông Chu Nhân V lập ngày 10/8/2011 không có hiệu lực pháp luật

Theo nội dung di chúc thể hiện ông V để lại: “là nhà đất tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà Chu Thị Bích L quản lý khai thác làm lợi nhằm chi phí cho thờ cúng, hương hỏa, đi lại phải không cho gia đình, nói chung là quản lý để làm nhà thờ từ đường, không được mua bán, trao đổi dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được ý kiến thống nhất của 7 anh chị em và một cháu gái là Trần Thị Ánh T...”

[3.3.1] Về hình thức của di chúc: thực hiện đúng theo quy định tại Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 658 Bộ luật dân sự năm 2005 như: di chúc lập bằng văn bản, được lập khi tinh thần còn minh mẫn, có sự chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy về mặt hình thức, di chúc của ông Chu Nhân V không bị vô hiệu.

[3.2.2] Về nội dung di chúc: Như phân tích trên, do việc khai nhận di sản của ông V bị thiếu người ở hàng thừa kế, do đó ông Chu Nhân V tự mình định đoạt toàn

bộ nhà và đất, kể cả phần di sản của bà L để lại là đã vi phạm pháp luật theo Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 658 BLDS năm 2005.

Đối với phần của ông V, ông được quyền định đoạt phần đất thuộc quyền sở hữu của ông để làm nơi thờ phụng. Tuy nhiên, theo Quyết định số 29/2018/QSS-UBND ngày 31/8/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng thì diện tích tối thiểu của thửa đất ở hình thành và thửa đất ở còn lại sau khi tách thửa trên địa bàn quận S phải đảm bảo các điều kiện sau: *“b) Diện tích đất ở tối thiểu 60,00 m² và chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là 3,0m”*;

Trường hợp thửa đất thuộc khu vực đã có quy hoạch tỷ lệ 1/2000 đến 1/500 để thực hiện dự án nhưng chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất thì diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa quy định tại Điều 2 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng, cụ thể: *“a) Diện tích 100m² và chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là 4m đối với các quận: Hải Châu, Thanh Khê, S.”*

Hiện nay, diện tích lô đất đứng tên ông Chu Nhân V tại thửa đất số 48 (cũ 409), tờ bản đồ số 512 (cũ 99), diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Thửa đất trên thuộc diện giải tỏa để thực hiện dự án Đường nối từ KDC T mở rộng đến KDC dọc tuyến thoát nước T - Biển Đông. Theo Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố về việc ban hành kế hoạch đền bù, giải tỏa các dự án trên địa bàn thành phố năm 2021 thì dự án Đường nối từ KDC T mở rộng đến KDC dọc tuyến thoát nước T - Biển Đông tại phường T thuộc Nhóm II/2021, là nhóm các dự án, công trình triển khai phân kỳ đền bù theo tiến độ thi công năm 2021 và năm 2022. Như vậy theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng thì diện tích đất của ông Chu Nhân V để lại không được phép tách thửa. Do đó không thể tách 1/2 thửa đất lô đất trên để lập nhà thờ theo như di chúc của ông V. Do đó việc thực hiện theo di chúc của ông là không thực hiện được.

Mặt khác, bà Chu Thị Bích L là người được ông Chu Nhân V chỉ định nhận toàn bộ di sản theo di chúc để quản lý làm nơi thờ tự cũng có ý kiến đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật, thống nhất giao toàn bộ nhà đất cho ông Chu Nhân T quản lý, sử dụng, định đoạt và bà nhận kỷ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật. Do đó, việc ông Chu Nhân T yêu cầu tuyên bố di chúc của ông Chu Nhân V lập ngày 10/8/2011 không có hiệu lực là có căn cứ, cần chấp nhận

[3.3.3] Hậu quả của di chúc bị tuyên vô hiệu: Do chấp nhận yêu cầu của ông T về tuyên di chúc bị không có hiệu lực pháp luật, nên toàn bộ tài sản thừa kế của người chết sẽ được phân chia theo pháp luật cho những người được thừa kế của người để lại di sản thừa kế.

[3.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của bà Trần Thị L và ông Chu Nhân V để lại theo pháp luật thì thấy:

[3.4.1] Về thời hiệu khởi kiện thừa kế:

Bà Trần Thị L chết ngày 09/8/2007, ông Chu Nhân V chết ngày 13/5/2012, nguyên đơn khởi kiện vụ án ngày 25/02/2020, do đó thời hiệu khởi kiện về thừa kế vẫn còn theo quy định tại Điều 623, điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[3.4.2] Về giá trị tài sản yêu cầu chia: Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 5210028/CT-BTCVALUEĐ ngày 01/02/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định giá BTCVALUE: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng trị giá: 5.655.660.580 đồng. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là: 5.562.384.882 đồng, giá trị công trình xây dựng: 93.275.698 đồng. Các đồng thừa kế đều thống nhất với giá trị nêu trên và không ai có yêu cầu định giá lại do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào giá của chứng thư để phân chia.

[3.4.3] Xét về công sức bảo quản: Kể từ khi bà L, ông V mất thì các con không sửa chữa xây dựng gì thêm, hiện tại bà Chu Thị Mỹ N đang sinh sống tại nhà đất trên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đồng thừa kế không ai yêu cầu xem xét trích phân công sức đóng góp, xây dựng, bảo tồn di sản thừa kế đó, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.4.4] Phân chia di sản của bà L:

Di sản thừa kế là: 1/2 Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng trị giá: **5.655.660.580 đồng : 2 = 2.827.830.290 đồng**

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L sẽ gồm 9 người là: chồng ông Chu Nhân V và 07 người con: Ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, ông Chu Nhân L và 01 người cháu thừa kế thế vị bà Trần Thị Ánh T.

Như vậy di sản thừa kế của bà Trần Thị L sẽ được chia thành 9 kỹ phần, mỗi kỹ phần là: **2.827.830.290 đồng : 9 = 314.203.366 đồng**

[3.4.5] Xét Tờ thỏa thuận được lập tại UBND phường T ngày 01/7/2011: các ông bà Ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L đã đồng ý để cho ông Chu Nhân V khai nhận nhà đất còn lại sở hữu và định đoạt. Xét thấy việc thỏa thuận và định đoạt phần nhà đất còn lại của ông T, ông T, bà N, bà L, bà P, bà L cho ông Chu Nhân V khi không có sự đồng ý của ông Chu Nhân L, bà Trần Thị Ánh T là không đảm bảo đúng quy định pháp luật. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, các ông bà đều khai nhận tại Tờ thỏa thuận trên ông bà ký và làm theo yêu cầu của ông V. Nay ông bà thống nhất chia di sản bà L, ông V theo pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá Tờ thỏa thuận lập ngày 01/7/2011 vô hiệu.

[3.4.6] Đối với phần phân chia di sản thừa kế của ông Chu Nhân V:

Di sản thừa kế của ông Chu Nhân V gồm: 1/2 Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường

T, quận S, thành phố Đà Nẵng trị giá: $5.655.660.580 \text{ đồng} : 2 = 2.827.830.290 \text{ đồng}$ và phần di sản nhận thừa kế từ bà Trần Thị L là: $314.203.366 \text{ đồng}$. Tổng cộng: **3.142.033.656 đồng**.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông V sẽ gồm 8 người là 7 người con ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, ông Chu Nhân L và 01 người cháu thừa kế thế vị là bà Trần Thị Ánh T.

Như vậy di sản thừa kế của ông Chu Nhân V sẽ được chia thành 8 kỹ phần, mỗi kỹ phần là: $3.142.033.656 \text{ đồng} : 8 = \mathbf{392.754.207 \text{ đồng}}$

Tổng di sản thừa kế ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, ông Chu Nhân L và bà Trần Thị Ánh T mỗi người sẽ được nhận là: $314.203.366 \text{ đồng} + 392.754.207 \text{ đồng} = \mathbf{706.957.573 \text{ đồng}}$

[3.5] Đối với yêu cầu của bị đơn ông Chu Nhân L: đề nghị được nhận một phần ba diện tích đất để ông nhà từ đường, thờ tự theo nguyện vọng của ông Chu Nhân V thì không được các đồng thừa kế khác không thống nhất và không đảm bảo theo đúng quy định Nhà nước về việc tách thửa đất đối với những trường hợp nhà đất thuộc diện giải tỏa nên không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[3.8] Về giao tài sản: Theo quy định tại khoản 2 Điều 685 BLDS 2005 thì *“Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia”*.

Trong trường hợp này, nhà và đất là di sản thừa kế của ông V, bà L đang thuộc diện giải tỏa, không đủ điều kiện để tách thửa như phân tích ở trên do đó không thể chia theo hiện vật vì vậy cần phải giao đất cho 1 người để họ quản lý, sử dụng, định đoạt và họ có trách nhiệm bồi trả lại cho đồng thừa kế khác kỹ phần thừa kế được hưởng.

Trước đây ông Chu Nhân T yêu cầu nhận nhà đất và bồi trả tiền cho các đồng thừa kế tuy nhiên hiện nay do sức khỏe yếu nên ông T đề nghị giao đất cho ông Chu Nhân T (là em trai kế ông) quản lý, sử dụng định đoạt, nhà ông T bên cạnh thửa đất của cha mẹ để lại, ông T đồng ý với ý kiến trên của ông T. Như vậy hiện có ông Chu Nhân T và ông Chu Nhân L đều có nguyện vọng được nhận nhà đất. Hội đồng xét xử thấy: 6/8 đồng thừa kế còn lại đều có ý kiến đồng ý giao nhà đất cho Chu Nhân T, do đó xét thấy cần giao nhà và đất có hiện trạng như sau (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân quận S) cho ông Chu Nhân T quản lý và sử dụng, định đoạt.

Về đất: thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, có diện tích đất ở $138,5\text{m}^2$, diện tích đất khuôn viên $47,7\text{m}^2$, tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; tứ cận: phía Đông giáp đường kiệt ra đường N, phía Tây: giáp đường L, phía Nam giáp nhà ông S, phía Bắc giáp nhà ông T.

Về nhà: gồm 2 khối nhà:

Nhà A: nhà 01 tầng, tường xây mái lợp tôn, nền gạch men. Gồm 01 phòng thờ, 01 phòng ngủ, 01 bếp, 01 phòng cạnh bếp, 01 nhà vệ sinh dùng cho nhà A, phía trước hàng rào B40, diện tích xây dựng 70,7m²

Nhà B: có kết cấu nhà 01 tầng, tường xây, mái lợp tôn, nền gạch men. Gồm 01 phòng khách, 01 bếp, 01 nhà vệ sinh, 01 chuồng heo. Diện tích xây dựng 63,6m²

Ông T có trách nhiệm thối trả kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác là phù hợp. Cụ thể: Ông Chu Nhân T phải có trách nhiệm thối trả cho ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, ông Chu Nhân L và bà Trần Thị Ánh T mỗi người là **706.957.573 đồng**

[4] Theo như kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng ngày 07/01/2022. Đối với phần diện tích xây dựng chồng lấn của nhà ông V, bà L sang phần đất ông Chu Nhân T có diện tích 13,1m², tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông T không có ý kiến tranh chấp gì, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản: 15.000.000 đồng, chi phí đo đạc: 2.878.000 đồng. Tổng cộng 20.878.000 đồng.

Căn cứ theo Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự mỗi người phải chịu 2.609.750 đồng. Ông Chu Nhân T đã nộp và thanh toán xong. Do đó ông T, ông L, bà N, bà L, bà L, bà P, bà T có trách nhiệm thối trả lại cho ông T mỗi người số tiền 2.609.750 đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo Điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Ông T, ông T, ông L, bà N, bà L, bà L, bà P, bà T mỗi người phải chịu án phí đối với kỹ phần thừa kế được hưởng là 20.000.000 đồng + (4% x 306.957.573 đồng) = 32.278.302 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5, khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điều 227, 228, điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 674, 675, 676, 677, 685 Bộ luật dân sự năm 2005

- Căn cứ Điều 8 Luật Công chứng năm 2006:

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Chu Nhân T đối với ông Chu Nhân T, Chu Nhân L về việc “Tuyên văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 05/7/2011 tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng công chứng vô hiệu, Tuyên bố bản di chúc của ông Chu Nhân V được lập ngày 10/8/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S

không có hiệu lực pháp luật; đề nghị hủy phần chỉnh lý biên động sang tên nhà đất cho ông Chu Nhân V và chia di sản thừa kế của bà L, ông Chu Nhân V theo pháp luật”.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 05/7/2011 được Phòng Công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng công chứng Sổ công chứng số 144 quyền số TK/TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

2. Hủy phần chỉnh lý biên động sang tên nhà đất ngày 22/7/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng- chi nhánh quận S tại thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cho ông Chu Nhân V tại phần: “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý” của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 3403070438, số vào hồ sơ gốc: 37030 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001.

3. Tuyên bố bản di chúc của ông Chu Nhân V được lập ngày 10/8/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S không có hiệu lực pháp luật.

4. Chia di sản thừa kế của bà L, ông Chu Nhân V để lại di sản thừa kế là thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3403070438, số hồ sơ gốc 37030 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2001 theo pháp luật.

Xác định kỹ phần thừa kế ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, ông Chu Nhân L và bà Trần Thị Ánh T mỗi người sẽ được nhận là: 706.957.573đ (Bảy trăm linh sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng).

- Giao toàn bộ nhà và đất tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, Đà Nẵng cho ông Chu Nhân T được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt. Nhà đất có hiện trạng như sau (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân quận S) có sơ đồ kèm theo.

Về đất: thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, có diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; tứ cận: phía Đông giáp đường kiệt ra đường N, phía Tây: giáp đường L, phía Nam giáp nhà ông S, phía Bắc giáp nhà ông T.

Về nhà: gồm 2 khối nhà:

Nhà A: nhà 01 tầng, tường xây mái lợp tôn, nền gạch men. Gồm 01 phòng thờ, 01 phòng ngủ, 01 bếp, 01 phòng cạnh bếp, 01 nhà vệ sinh dùng cho nhà A, phía trước hàng rào B40, diện tích xây dựng 70,7m²

Nhà B: có kết cấu nhà 01 tầng, tường xây, mái lợp tôn, nền gạch men. Gồm 01 phòng khách, 01 bếp, 01 nhà vệ sinh, 01 chuồng heo. Diện tích xây dựng 63,6m²

- Ông Chu Nhân T có trách nhiệm thời trả lại cho Ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, Chu Nhân L,

Trần Thị Ánh T mỗi người 706.957.573đ (Bảy trăm linh sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Chu Nhân T được liên hệ với các cơ quan thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất tại thửa đất số 177 (nay là 409), tờ bản đồ số 99, diện tích đất ở 138,5m², diện tích đất khuôn viên 47,7m², tại K45-H16/44, đường L, tổ 56, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản: 15.000.000 đồng, chi phí đo đạc: 2.878.000 đồng. Tổng cộng 20.878.000 đồng.

Căn cứ theo Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự mỗi người phải chịu 2.609.750 đồng. Ông Chu Nhân T đã nộp và thanh toán xong. Do đó ông T ông L, bà N, bà L, bà L, bà P, bà T có trách nhiệm thổi trả lại cho ông Chu Nhân T mỗi người số tiền 2.609.750 đồng.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo Điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Ông Chu Nhân T, ông Chu Nhân T, bà Chu Thị Mỹ N, bà Chu Thị Bích L, bà Chu Thị Kim P, bà Chu Thị Bích L, Chu Nhân L, Trần Thị Ánh T mỗi người phải chịu 32.278.302 đ (Ba mươi hai triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm linh hai đồng)

Ông Chu Nhân T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.675.000 đồng theo biên lai thu số 0006368 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông Chu Nhân T còn phải tiếp tục nộp số tiền 20.603.302 đồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S, Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận S, Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

